

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG CHÂN MÂY
VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG CHÂN MÂY KHUYẾN NGHỊ CÁC
NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI THAM GIA ĐẤU GIÁ

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG CHÂN MÂY

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG CHÂN MÂY



Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc
Tỉnh Thừa Thiên Huế
Điện thoại: 054.876 096 / 054.891 841
Fax: 054.891 838 / 054.891 839
Website: www.chanmayport.com.vn

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI



Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 04.3941 2626
Fax: 04.3934 7818
Website: www.hnx.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN CIMB - VINASHIN



Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, tòa nhà 34T, KĐT Trung Hòa Nhân Chính
Hà Nội
Điện thoại: 04. 6286 1800
Fax: 04. 2221 0484
Website: www.cvs.com.vn

Tháng 10 năm 2014



MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	3
DANH MỤC HÌNH.....	3
CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	4
I. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	5
1. Doanh nghiệp cổ phần hóa	5
2. Lịch sử hình thành và phát triển.....	5
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	6
4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	7
5. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây	8
5.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức hiện nay.....	8
5.2. Mô hình tổ chức	9
5.3. Chức năng, nhiệm vụ chính của các phòng ban, xí nghiệp và đơn vị trực thuộc.....	9
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần	11
7. Giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước	12
7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước.....	12
7.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý	14
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	15
8.1. Đất đai	15
8.2. Tài sản cố định	16
8.2.1. Máy móc thiết bị.....	16
8.2.2. Phương tiện vận tải	17
9. Danh sách công ty mẹ và công ty con.....	18
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa.....	18
10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh	18
10.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa.....	28
10.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	30
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	32
11.1. Vị thế của Công ty trong ngành	32
11.2. Triển vọng phát triển ngành	32
11.3. Định hướng phát triển của Công ty	33
11.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới	33
II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	34
1. Mục tiêu cổ phần hóa	34



2. Hình thức cổ phần hóa	34
3. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa	35
4. Ngành nghề kinh doanh	35
5. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	35
5.1. Mô hình tổ chức	35
5.2. Sơ đồ bộ máy tổ chức	36
6. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa	36
6.1. Chiến lược phát triển doanh nghiệp.....	36
6.2. Kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa.....	38
6.3. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa.....	39
7. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau cổ phần hóa.....	39
7.1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	39
7.2. Thuyết minh kế hoạch kinh doanh.....	40
III. VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ	42
1. Vốn điều lệ.....	42
2. Cơ cấu vốn điều lệ	42
IV. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....	43
1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá.....	43
1.1. Hình thức chào bán.....	43
1.2. Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua	43
1.3. Thời gian và địa điểm thực hiện	43
2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với người lao động	44
3. Cổ phần bán cho tổ chức Công đoàn: Không có	45
4. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược: Không có	45
5. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa.....	45
V. RỦI RO DỰ KIẾN.....	46
1. Rủi ro về kinh tế.....	46
2. Rủi ro về luật pháp.....	46
3. Rủi ro đặc thù	47
4. Rủi ro của đợt chào bán cổ phần.....	47
5. Rủi ro khác.....	47
VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CHÂN MÂY	48
1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây.....	48
2. Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây.....	48
3. Tổ chức tư vấn.....	49



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây	7
Bảng 2: Sản lượng xếp dỡ hàng hóa qua các năm.....	8
Bảng 3: Cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần.....	12
Bảng 4: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2013.....	13
Bảng 5: Giá trị còn lại của tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	16
Bảng 6: Danh mục một số máy móc thiết bị có giá trị lớn của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	16
Bảng 7: Danh mục một số phương tiện vận tải có giá trị lớn của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	17
Bảng 8: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2011-2013 và 9 tháng đầu năm 2014.....	19
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2011-2013 và 9 tháng đầu năm 2014	20
Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2011-2013 và 9 tháng đầu năm 2014	21
Bảng 11: Tổng hợp chi phí giai đoạn 2011-2013 và 9 tháng đầu năm 2014	23
Bảng 12: Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố.....	24
Bảng 13: Hệ thống cầu bến	25
Bảng 14: Các phương tiện, thiết bị chính.....	25
Bảng 15: Danh mục các hợp đồng lớn.....	27
Bảng 16: Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011-2013.....	28
Bảng 17: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn 2011-2013.....	29
Bảng 18: Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh dự kiến 4 năm sau cổ phần hóa	40
Bảng 19: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến.....	42
Bảng 20: Số tiền dự kiến nộp về Quỹ Phát triển doanh nghiệp của Tổng công ty	45
Bảng 21: Danh sách Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây ...	48
Bảng 22: Danh sách Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây	48

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây hiện nay	8
Hình 2: Sơ đồ bộ máy tổ chức Công ty cổ phần Cảng Chân Mây	36



CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
Bộ GTVT	Bộ Giao thông vận tải
Cảng Chân Mây	
Công ty	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Chân Mây
Cảng	
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
ĐVT	Đơn vị tính
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TEDI	Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Tổng công ty	Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy
UBND	Ủy ban nhân dân



I. GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa

- | | |
|---------------------------|--|
| - Tên tiếng Việt | : Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cảng Chân Mây |
| - Tên tiếng Anh | : Chan May Port Company Limited |
| - Tên viết tắt | : Chan May Port |
| - Địa chỉ Trụ sở chính | : Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế |
| - Điện thoại | : 054.3.876.096 – 054.3.891.841 |
| - Fax | : 054.3.891.838 – 054.3.833.577 |
| - Email | : info@chanmayport.com.vn |
| - Website | : www.chanmayport.com.vn |
| - Logo |  |
| - Giấy CNĐKKD | : Số 3300515171 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2007, thay đổi lần thứ 3 ngày 26/03/2014 |
| - Đại diện theo Pháp luật | : Ông Nguyễn Hữu Thọ |
| - Chức vụ | : Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty |
| - Vốn điều lệ theo ĐKKD | : 211.370.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Hai trăm mười một tỷ, ba trăm bảy mươi triệu đồng chẵn</i>). |

2. Lịch sử hình thành và phát triển

Bến số 1-Cảng Chân Mây được bắt đầu khởi công xây dựng vào ngày 25/3/2001, sau hơn 2 năm khẩn trương thi công, vào ngày 19/5/2003, công trình Bến số 1 được Cục Hàng hải Việt Nam công bố hoàn thành và cho phép đón tàu biển trong và ngoài nước có trọng tải lên đến 30.000DWT. Để kịp thời vận hành, quản lý cảng ngay sau khi hoàn thành bước xây dựng, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế có Quyết định số 1048/QĐ/UB ngày 22/4/2003 giao cho Ban Quản lý dự án Chân Mây trực tiếp điều hành Cảng Chân Mây với tổng số cán bộ công nhân viên 70 người, chủ yếu hình thành từ việc đào tạo, thực tập tại Cảng Sài Gòn. Đến nay, tổng số nhân sự của Cảng Chân Mây lên đến đến 267 CBCNV .

Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và trong khi chờ làm thủ tục thành lập doanh nghiệp, Ban Quản lý dự án Chân Mây đã lập và trình UBND



tỉnh Đề án thành lập Cảng Chân Mây theo Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ. Ngày 07/12/2006, UBND tỉnh đã ra Quyết định số 2789/QĐ-UB về việc chuyển đổi Ban Quản lý dự án Chân Mây thành Cảng Chân Mây. Theo đó, Cảng Chân Mây hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính.

Ngày 12/01/2007, căn cứ Thông báo số 10/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ đồng ý về việc chuyển giao Cảng Chân Mây cho Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, dưới sự chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Cảng Chân Mây đã hoàn thành các thủ tục cần thiết để ngày 28/09/2007 Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam đã có Quyết định số 3128/QĐ-CNT-TCCB-LĐ ngày 28 tháng 9 năm 2007 về việc thành lập Công ty TNHH một thành viên Cảng Chân Mây. Cảng Chân Mây là cảng biển tổng hợp có độ sâu -12,5m, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung, phục vụ cho phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ. Cảng có khả năng đón tàu trọng tải lên đến 50.000DWT và tàu du lịch quốc tế cỡ lớn; có bến chuyên dùng cho tàu 20.000DWT để bốc dỡ các cấu kiện siêu trường, siêu trọng, đặc biệt là bốc dỡ hàng rời như gỗ dăm, than cám, cát silic, titan, clinker...với năng suất cao, có thể đạt 10 nghìn tấn/ngày. Lượng hàng hóa thông qua cảng năm 2013 đạt khoảng 1,48 triệu tấn (Vượt 48% công suất thiết kế). Nguồn nhân lực của cảng được bố trí phù hợp, có kỹ năng nghiệp vụ cao có thể thực hiện các công tác nghiệp vụ của một cảng biển hiện đại.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty còn gặp nhiều khó khăn như: Lượng hàng hóa thông qua đã vượt công suất thiết kế của Bến số 1, tình trạng không đủ bến cho tàu làm hàng thường xuyên xảy ra gây nhiều khó khăn cho kế hoạch điều độ khai thác; cảng chưa có đê chắn sóng nên bị ảnh hưởng nhiều từ vấn đề thời tiết, làm chậm tiến độ giải phóng hàng hóa cho chủ hàng; trang thiết bị cơ giới hầu như chỉ đáp ứng cho việc xếp dỡ hàng rời, chưa thu hút được container, làm giảm tính cạnh tranh của cảng...

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2007, thay đổi lần thứ 3 ngày



26/03/2014, ngành nghề đăng ký kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây bao gồm:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
2	Sửa chữa thiết bị điện	3314
3	Bốc xếp hàng hóa	5224
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
	Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
6	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
7	Đại lý du lịch	7911
8	Điều hành tua du lịch	7912
9	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
10	Cho thuê xe có động cơ	7710
11	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
12	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
13	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
14	Sửa chữa thiết bị khác	3319
15	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
16	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
17	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
18	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
19	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
21	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
22	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
23	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
	Chi tiết: Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
	Chi tiết: Dịch vụ cung ứng nhiên liệu	
25	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

❖ Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa

Sản lượng hàng hóa qua cảng luôn ở mức cao, vượt hơn 150% công suất thiết kế của cầu bến. Doanh thu từ dịch vụ xếp dỡ hàng hóa chiếm khoảng gần 50% tổng doanh

Tuy nhiên, với thiết kế của cầu bến và thiết bị công nghệ hiện nay, hàng hóa thông qua Cảng chủ yếu là hàng rời nên doanh thu đến từ hoạt động xếp dỡ hàng hóa chưa cao so với các Cảng khác trong khu vực.

Sản lượng	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
	Nghìn tấn	1.697	1.580	1.480

Dịch vụ hàng hải bao gồm: lai dắt tàu, cõr buộc dây, cầu bến...

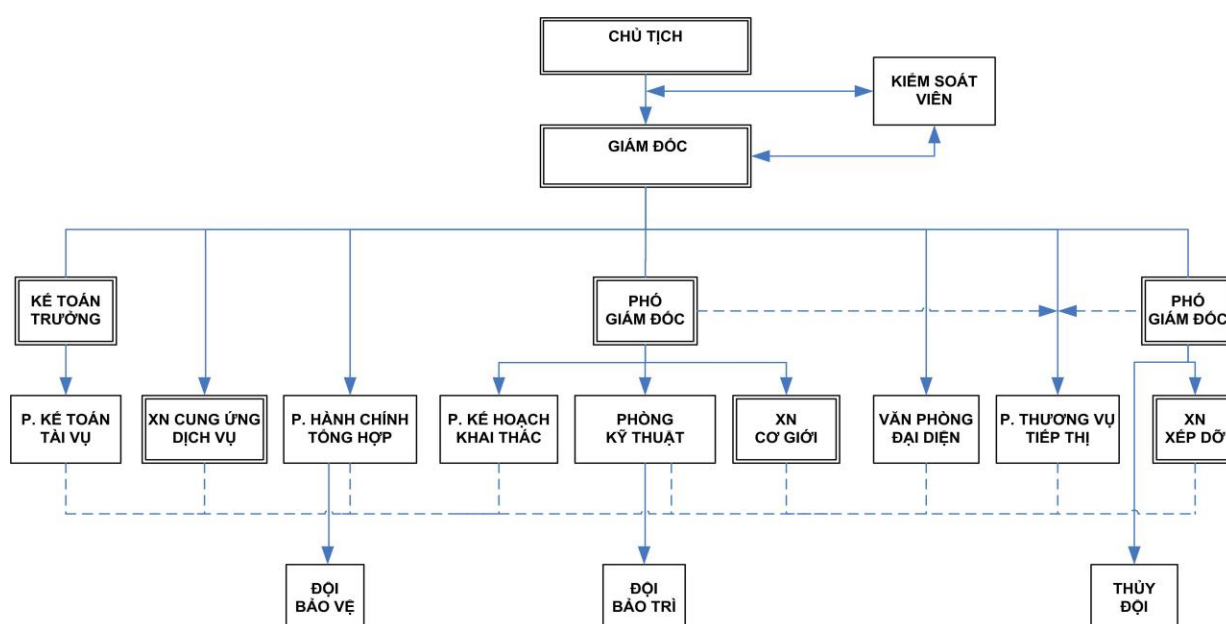
❖ Dịch vụ cho thuê kho bãi

- Diện tích kho là 2.000 m^2

Dịch vụ cho thuê kho bãi chiếm khoảng 16% doanh thu của Công ty.

5. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Hình 1: Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây hiện nay





5.2. Mô hình tổ chức

Cơ cấu tổ chức quản lý: theo mô hình Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc Công ty, các Phó giám đốc Công ty, Kế toán trưởng, bộ máy giúp việc và Kiểm soát viên. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Giám đốc công ty.

Ban điều hành: 04 người, gồm 01 Chủ tịch kiêm Giám đốc, 02 Phó giám đốc, 01 kế toán trưởng.

Kiểm soát viên: 01 người.

Các phòng, ban chức năng bao gồm: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế toán - Tài vụ, Phòng Kế hoạch - Khai thác, Phòng Thương vụ - Tiếp thị và Phòng Kỹ thuật.

Các xí nghiệp và đơn vị trực thuộc bao gồm: Xí nghiệp Xếp dỡ, Xí nghiệp Cung ứng Dịch vụ tàu biển, Xí nghiệp Cơ giới, Văn phòng Đại diện tại thành phố Huế, Đội Bảo trì, Đội Bảo vệ và Bộ phận tàu lai (Tàu Chân Mây 01 và Tàu Chân Mây 02).

5.3. Chức năng, nhiệm vụ chính của các phòng ban, xí nghiệp và đơn vị trực thuộc

❖ Phòng Thương vụ - Tiếp thị

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về xây dựng biểu giá cước dịch vụ cảng biển đối nội, đối ngoại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trực tiếp đàm phán, thương thảo, dự thảo hợp đồng với khách hàng; theo dõi việc thực hiện hợp đồng, giải quyết các tranh chấp hợp đồng giữa cảng với khách hàng. Lập bảng tổng hợp các chi phí dịch vụ với khách hàng để yêu cầu thanh toán.

Thông kê, phân tích số liệu, đánh giá tình hình thực hiện và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Tiếp cận, tìm kiếm các khách hàng tiềm năng và lĩnh vực marketing.

❖ Phòng Kế hoạch-Khai thác

Phòng Kế hoạch - Khai thác là phòng tham mưu cho Giám đốc về công tác kế hoạch, khai thác và thống kê. Chịu trách nhiệm đảm bảo cho công tác kế hoạch, khai thác và thống kê của Công ty hoạt động theo đúng những qui định của hệ thống kế hoạch hoá, pháp lệnh kế toán thống kê của Nhà nước, đồng thời chịu trách nhiệm hướng dẫn các Xí nghiệp, Đội sản xuất trực tiếp trực thuộc Công ty thực hiện các chỉ



tiêu kế hoạch hàng năm.

❖ **Phòng Kỹ thuật**

Phòng Kỹ thuật có chức năng tham mưu chính cho Giám đốc trong việc thực hiện quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, tổ chức quản lý duy tu sửa chữa nâng cấp các công trình và trang thiết bị hiện hữu, đồng thời nghiên cứu khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất, ứng dụng công nghệ mới phục vụ sản xuất và các dự án đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị.

❖ **Phòng Kế toán - Tài vụ**

Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tài chính: quản lý, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn trong phạm vi quản lý của Công ty.

Thừa lệnh Giám đốc đề hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, quản lý các xí nghiệp, phòng, đội của Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán.

Tham mưu cho Giám đốc về công tác tổ chức kế toán phù hợp với các tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý, không ngừng cải tiến tổ chức bộ máy và công tác kế toán.

❖ **Phòng Hành chính - Tổng hợp**

Tham mưu, giúp việc cho Cấp uỷ và Giám đốc trong công tác tổ chức, quản lý, tuyển dụng, đào tạo cán bộ và lực lượng lao động, bảo vệ chính trị nội bộ và thực hiện các chính sách đối với cán bộ và người lao động theo pháp luật và các qui định hiện hành của Nhà nước trong doanh nghiệp.

Tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý lao động, phân phối thu nhập tiền lương và các tiêu chuẩn chế độ chính sách đối với người lao động làm việc tại Công ty phù hợp với các thông tư nghị định của chính phủ và pháp luật hiện hành.

Thừa uỷ quyền Giám đốc kiểm tra các phòng, đội trong lĩnh vực công tác tổ chức, cán bộ và quản lý nhân sự.

❖ **Xí nghiệp Cung ứng Dịch vụ tàu biển**

Xí nghiệp tham mưu chính cho Giám đốc trong việc kiểm đếm hàng hoá, quản lý và giám sát hàng hoá kho, bãi; thống kê các hoạt động khai thác, sản xuất của Cảng. Tổ



chức kinh doanh dịch vụ xăng dầu và các dịch vụ cung ứng khác cho tàu biển.

❖ **Xí nghiệp cơ giới**

Xí nghiệp tham mưu chính cho Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất bốc xếp và giải phóng hàng của Cảng bằng thiết bị cơ giới, chuẩn bị các phương tiện, thiết bị bốc xếp trước khi đi vào sản xuất. Chỉ đạo công tác quản lý, vận hành, bảo quản và bảo dưỡng các thiết bị xếp dỡ hàng hoá, xe máy...

❖ **Xí nghiệp xếp dỡ**

Xí nghiệp tham mưu chính cho Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất bốc xếp và giải phóng hàng hoá.

❖ **Văn phòng đại diện tại Huế**

Tiếp nhận, xử lý, cung cấp thông tin; giải quyết các thủ tục giao dịch với các Sở, ban ngành; các ngân hàng, khách hàng, đối tác... tại thành phố Huế; lưu trữ các tài liệu gốc của Công ty.

❖ **Đội bảo trì**

Đội Bảo trì là bộ phận trực tiếp sản xuất công cụ sản xuất; duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện, trang thiết bị hạ tầng của Công ty; quản lý vận hành máy phát điện, phối hợp cung cấp dịch vụ điện, nước.

❖ **Đội bảo vệ**

Đội bảo vệ là đội tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực hoạt động bảo vệ an ninh chính trị, tài sản và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty được thuận lợi.

❖ **Bộ phận tàu lai**

Bộ phận tàu lai (Chân Mây 01 và Chân Mây 02) có chức năng chính trong việc thực hiện nhiệm vụ lai dắt tàu thuyền ra vào Cảng.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần là: 267 người với cơ cấu như sau:



Bảng 3: Cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần

Phân loại lao động	Số lượng người
Phân theo đối tượng lao động	
Lao động trực tiếp	179
Lao động gián tiếp	37
Lao động phụ trợ	51
Phân theo trình độ lao động	
Lao động có trình độ đại học và trên đại học	62
Lao động có trình độ trung cấp và cao đẳng	53
Lao động có trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật	100
Lao động có trình độ phổ thông	52
Phân loại theo loại hợp đồng lao động	
Lao động viên chức quản lý	5
Lao động không xác định thời hạn	204
Lao động xác định thời hạn từ 1-3 năm	54
Lao động thời vụ	4
Lao động thử việc	0

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

7. Giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước

7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và vốn Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 2928 /QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 08 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây tại ngày 30/09/2013 như sau:

- Giá trị thực tế của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây để cổ phần hóa là **399.439.668.462** đồng (*Bằng chữ: Ba trăm chín mươi chín tỷ, bốn trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng*).

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây là **308.622.963.944** đồng (*Bằng chữ: Ba trăm lẻ tám tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng*).



Bảng 4: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2013

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4=3-2
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	302.835.567.491	399.439.668.462	96.604.100.971
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	219.608.545.842	311.948.947.125	92.340.401.283
1. Tài sản cố định	217.053.150.419	309.298.516.578	92.245.366.159
a. TSCĐ hữu hình	216.988.162.670	309.233.528.829	92.245.366.159
b. TSCĐ vô hình	64.987.749	64.987.749	0
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí XDCB dở dang	52.208.182	52.208.182	0
4. Phải thu dài hạn	-	-	-
5. Chi phí trả trước dài hạn	2.503.187.241	2.598.222.365	95.035.124
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	83.227.021.649	85.977.448.813	2.750.427.164
1. Tiền	64.282.264.472	64.281.430.557	(833.915)
+ Tiền mặt tồn quỹ	533.712.569	533.712.000	(569)
+ Tiền gửi ngân hàng	8.797.721.309	8.796.887.963	(833.346)
+ Các khoản tương đương tiền	54.950.830.594	54.950.830.594	0
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.690.355.185	3.190.355.185	1.500.000.000
3. Các khoản phải thu	11.910.775.582	13.162.036.661	1.251.261.079
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	4.635.471.487	4.635.471.487	0
5. Tài sản lưu động khác	708.154.923	708.154.923	0
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	1.513.272.524	1.513.272.524
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. Tài sản không cần dùng	-	-	-
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	-	-	-
Tổng giá trị tài sản của Doanh nghiệp (A+B+C+D)	302.835.567.491	399.439.668.462	96.604.100.971
Trong đó:			
Tổng giá trị thực tế của Doanh nghiệp (Mục A)	302.835.567.491	399.439.668.462	96.604.100.971
E1. Nợ thực tế phải trả	91.034.549.536	90.816.704.518	(217.845.018)
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước của Doanh nghiệp [A-(E1+E2)]	211.801.017.955	308.622.963.944	96.821.945.989

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây



7.2. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Hiện nay, Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô thu hồi của Cảng Chân Mây khoảng gần 2 ha diện tích bãi. Cảng Chân Mây đề nghị áp dụng đền bù theo suất đầu tư với tổng giá trị trên 30 tỷ đồng, các ban, ngành của tỉnh đã có văn bản đề nghị nhưng chưa được UBND Tỉnh giải quyết.

Đến thời điểm phát hành Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, Cục thuế Thừa Thiên Huế chưa thực hiện kiểm tra thuế tại Công ty. Do vậy, số dư liên quan đến nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/09/2014) đang được xác định theo sổ kế toán. Do đó, trong thời gian tới Công ty phải tiếp tục làm việc với Cơ quan Thuế và điều chỉnh các chênh lệch (nếu có) trong Báo cáo tài chính từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Công ty chưa đối chiếu được đầy đủ các khoản nợ phải thu và nợ phải trả tại thời điểm 30/09/2013 với số tiền tương ứng là: 1.047.867.642 đồng và 287.148.816 đồng. Công ty sẽ tiếp tục đối chiếu đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả này và điều chỉnh các khoản chênh lệch (nếu có) theo quy định trước khi chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Các khoản công nợ phải thu đối với Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin bao gồm khoản cho vay là 1,5 tỷ đồng đã trích lập dự phòng 100%; lãi phát sinh và dịch vụ khác là 592.987.941 đồng đã trích lập dự phòng 468.094.607 đồng được xác định như những khoản công nợ không có khả năng thu hồi. Tuy nhiên do Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin chưa hoàn tất thủ tục phá sản nên chưa có đủ hồ sơ pháp lý chứng minh khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định, do đó đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp đã tiến hành hoàn nhập dự phòng để tính vào giá trị doanh nghiệp và bàn giao sang công ty cổ phần sau này để tiếp tục xử lý.

Việc xác định giá trị thương hiệu do Công ty tập hợp các chứng từ chi phí từ chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trước khi thành lập doanh nghiệp, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web... từ khi



thành lập đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định. Giá trị thương hiệu được xác định là 1.513.272.524 đồng.

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

8.1. Đất đai

Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh trên 03 khu tại Cảng Chân Mây, thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, với tổng diện tích thuê trả tiền hàng năm là 131.717,3 m² trong đó diện tích đất là 120.989,5 m², diện tích mặt nước là 10.727,8m². Thông tin cụ thể như sau:

- **Lô đất 01** với tổng diện tích là 99.518,1m², có thời hạn thuê là 50 năm (từ ngày 28/9/2007 đến 28/9/2057). Đơn giá thuê đất là 1.013 đồng/m²/năm được tính từ ngày 01/03/2011 đến ngày 11/7/2013 và được ổn định trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 11/7/2013. Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất được xác định lại theo quy định hiện hành của nhà nước. Mục đích sử dụng hiện tại là phục vụ kinh doanh cảng biển.

- **Lô đất 02** với tổng diện tích là 21.471,4 m², có thời hạn thuê gần 7 năm (từ ngày 28/9/2007 đến 11/7/2014) và được gia hạn thuê thêm 01 năm. Đơn giá thuê đất là 1.013 đồng/m²/năm được tính từ ngày 01/03/2011 đến ngày 11/7/2013 và được ổn định trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 11/7/2013. Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất được xác định lại theo quy định hiện hành của nhà nước. Mục đích sử dụng hiện tại là phục vụ kinh doanh cảng biển.

- **Khu mặt nước 03** với tổng diện tích là 10.727,8 m², có thời hạn thuê 50 năm (từ ngày 28/9/2007 đến 28/9/2057). Đơn giá thuê mặt nước là 40 đồng/m²/năm và được ổn định trong thời hạn 05 năm kể từ ngày 11/7/2013. Hết thời hạn ổn định đơn giá thuê đất được xác định lại theo quy định hiện hành của nhà nước. Mục đích sử dụng hiện tại là phục vụ kinh doanh cảng biển.

Hiện nay, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 31201000052 ngày 06/11/2013 để thực hiện đầu tư bến số 1 và đang hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất 15 năm với toàn bộ diện tích đất Công ty thuê là 131.717,3 m² (áp dụng từ ngày 28/9/2007 đến ngày 28/9/2023 theo Hợp đồng thuê đất số 52/QĐ-KKT ngày 11/7/2013). Sau thời gian ưu đãi miễn tiền thuê đất nêu trên thì giá thuê đất theo mức giá đã nêu ở bên trên đối với từng lô đất, khu mặt nước.



8.2. Tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/09/2013 như sau:

Bảng 5: Giá trị còn lại của tài sản cố định của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

DVT: triệu đồng

Stt	Loại tài sản	Giá trị sổ kế toán		Đánh giá lại		Chênh lệch	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	342.462	216.988	583.308	309.233	240.846	92.245
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	245.702	172.747	470.722	252.921	225.020	80.174
1.2	Máy móc thiết bị	63.730	29.853	78.654	41.030	14.924	11.176
1.3	Phương tiện vận tải	32.126	13.955	32.984	14.764	858	809
1.4	Tài sản cố định khác	904	432	948	518	44	86
2	Tài sản cố định vô hình	101	65	101	65		
2.1	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-	-	-	-
2.2	Phần mềm	101	65	101	65	-	-
	Tổng cộng	342.563	217.053	583.409	309.298	240.846	92.245

Nguồn: Trích biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

Do đặc thù của doanh nghiệp kinh doanh cảng biển nên giá trị nhà cửa, vật kiến trúc (bao gồm: bến cập tàu, kho bãi, đường bãi, cửa hàng xăng dầu...) chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản cố định của Công ty, loại tài sản này chiếm 71,72% tổng giá trị tài sản cố định tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải lần lượt chiếm 18,60% và 9,38% tổng giá trị tài sản cố định.

8.2.1. Máy móc thiết bị

Bảng 6: Danh mục một số máy móc thiết bị có giá trị lớn của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

DVT: triệu đồng

Tên tài sản	Năm sử dụng	Nguyên giá (xác định lại)	% còn lại	Giá trị còn lại
Cầu Gottwald HMK 170E	01/09/2003	58.028	49%	28.434
Xe cầu bánh xích CCH	01/04/2008	1.950	65%	1.270
Xe xúc lật Komatsu 1.5m3	01/04/2008	852	56%	474
Xe xúc lật liugong	01/04/2008	514	57%	293
Xe cầu bánh lốp IHI 27 tấn	01/12/2008	1.924	71%	1.366



Tên tài sản	Năm sử dụng	Nguyên giá (xác định lại)	% còn lại	Giá trị còn lại
Gàu ngoạm bán tự động điều khiển từ xa 5m3	01/06/2009	1.268	60%	761
Máy tiện chính xác đa năng	01/09/2009	516	65%	336
Cầu 80 tấn bánh xích Sumitomo	01/01/2010	6.686	82%	5.482
Cầu tự hành bánh xích 60 tấn IHI	01/12/2005	1.200	35%	420
Xe nâng 3 tấn Komatsu FD 30T-14	01/01/2006	504	22%	111
Xe nâng 5 tấn Komatsu FD50AT-7	01/01/2007	676	40%	270
Gàu ngoạm điều khiển từ xa	01/03/2006	735	40%	294

Nguồn: Trích biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

8.2.2. Phương tiện vận tải

Bảng 7: Danh mục một số phương tiện vận tải có giá trị lớn của Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

DVT: triệu đồng

Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá (xác định lại)	% còn lại	Giá trị còn lại
Tàu Chân Mây 01	01	01/06/2003	11.685	43%	5.033
Tàu Chân Mây 02	01	01/06/2003	15.464	43%	6.661
Ô tô đầu kéo và rơ mooc hiệu Hyundai	02	01/01/2006	980	30%	294
Xe ô tô 16 chỗ hiệu Mercedes-Ben	01	01/06/2005	899	40%	360
Xe ô tô Toyota Camry	01	01/07/2007	1.185	50%	593
Rơ mooc 3 trục đóng thùng	02	01/11/2008	891	54%	481
Xe ô tô Ford Everest	01	01/05/2009	848	60%	509



Tên tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá (xác định lại)	% còn lại	Giá trị còn lại
Xe ô tô 29 chỗ hiệu Hyundai Thaco	01	01/12/2011	928	85%	789

Nguồn: Trích biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

9. Danh sách công ty mẹ và công ty con

Công ty mẹ: Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn Nhà nước do Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp.

Công ty con: Không có.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa

10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

10.1.1. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011-2013

Trong những năm qua tình hình kinh tế - xã hội có nhiều bất ổn, lạm phát tăng cao, nhiều ngành sản xuất đình trệ, giá cả không ổn định, thời tiết diễn biến phức tạp... đã làm sụt giảm nguồn hàng qua cảng. Xác định rõ những khó khăn đó, tập thể CBCNV Công ty với truyền thống đoàn kết, thống nhất, phát huy năng lực điều hành, quản lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tập thể lãnh đạo và CBCNV Cảng Chân Mây đã không ngừng phấn đấu thi đua, phát huy nhiều sáng kiến kỹ thuật, tập trung các nguồn lực để hướng đến những mục tiêu và nhiệm vụ mới. Kết quả đạt được trong năm vừa qua được thể hiện qua các mặt cụ thể sau:

Năm 2011: Doanh thu hoạt động SXKD đạt 142,2% so với kế hoạch, tăng 35,38% so với năm 2010. Lợi nhuận sau thuế tăng 79,42% so với cùng kỳ. Năm 2011 là năm các doanh nghiệp chịu tác động mạnh của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế. Bên cạnh diễn biến chung đó, hoạt động SXKD của Công ty còn phải chịu áp lực trước những khó khăn riêng, chi phí đầu vào tăng... nhưng đây cũng là năm có nhiều thuận lợi trong việc thực hiện kế hoạch. Sản lượng tăng, các tàu hàng vào cảng có kích thước trọng tải cao gấp 3 lần so với năm 2010 nên doanh thu xếp dỡ và hàng hải tăng cao.



Năm 2012: Doanh thu hoạt động SXKD năm 2012 đạt 107% so với kế hoạch, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2011, lợi nhuận giảm 30% so với năm 2011. Nguyên nhân chính là do một số mặt hàng xuất nhập khẩu chủ lực như: than, clinker, titan của các khách hàng truyền thống của Công ty sụt giảm do Chính phủ cắt giảm đầu tư công và hạn chế xuất khẩu. Thêm vào đó, kinh tế thế giới vẫn đang trong thời kỳ suy giảm và chưa có dấu hiệu phục hồi nên các khách hàng truyền thống của Công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác để xuất khẩu hàng hóa. Trước tình hình đó, Công ty đã mở rộng thêm các loại hình dịch vụ như cung ứng tàu biển, vận tải gỗ dăm, cho thuê thiết bị để tăng doanh thu và đảm bảo việc làm cho người lao động trong tình hình sản lượng hàng hóa có nguy cơ sụt giảm.

Năm 2013: Doanh thu hoạt động SXKD năm 2013 đạt 109,9% so với kế hoạch, giảm 2,26% so với năm 2012. Lợi nhuận tăng 10% so với năm 2012. Năm 2013, mặc dù sản lượng hàng hóa thông quan có tăng so với năm 2012 nhưng cơ cấu mặt hàng thay đổi, tăng sản lượng dăm và giảm mặt hàng có đơn giá cao như than, clinker điều này dẫn đến doanh thu năm 2013 giảm so với năm 2012. Việc chuyển dịch hình thức xếp dỡ qua hình thức băng tải làm tăng năng suất xếp dỡ, giải phóng tàu nhanh hơn nên doanh thu dịch vụ vận tải hàng hóa tăng 49,68% so với năm 2012.

Những kết quả đạt được nêu trên phần nào đã thể hiện được sự nỗ lực cố gắng của toàn thể Ban lãnh đạo và CBCNV Cảng Chân Mây trong quá trình xây dựng và phát triển Cảng ngày một vững mạnh và phát triển.

10.1.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 8: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2011-2013 và 9 tháng đầu năm 2014

ĐVT: triệu đồng

Doanh thu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.101	92,58	79.718	93,51	77.917	94,54	70.236	96,46
Doanh thu hoạt động tài chính	3.075	4,00	4.984	5,85	3.967	4,81	2.578	3,54
Doanh thu khác	2.621	3,41	552	0,65	531	0,64	0	0



Doanh thu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng doanh thu	76.797	100	85.254	100	82.415	100	72.814	100

Nguồn: BCTC năm 2011, 2012, 2013 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2014 của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Theo bảng trên, nguồn doanh thu chính của Công ty đến từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ: dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ hàng hải, dịch vụ cho thuê kho bãi, hoạt động kinh doanh xăng dầu. Các dịch vụ này chiếm bình quân 93,54% tổng doanh thu giai đoạn 2011-2013.

Ngoài ra, Công ty còn có doanh thu hoạt động tài chính đến từ các khoản tiền gửi ngân hàng, chiếm bình quân 4,88% tổng doanh thu giai đoạn 2011-2013 và thu nhập khác chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ (khoảng 0,65% tổng doanh thu của Công ty trong năm 2012, 2013).

Bảng 9: Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2011-2013 và 9 tháng đầu năm 2014

ĐVT: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Doanh thu dịch vụ xếp dỡ	26.257	36,93	23.497	29,48	22.134	28,41	18.487	26,32
- Doanh thu kinh doanh xăng dầu	14.567	20,49	15.539	19,49	12.091	15,52	11.882	16,92
- Doanh thu dịch vụ vận tải hàng hóa	1.941	2,73	7.910	9,92	11.840	15,20	11.600	16,52
- Doanh thu dịch vụ phí cầu bến	9.576	13,47	9.272	11,63	9.094	11,67	8.283	11,79
- Doanh thu dịch vụ lai dắt	4.069	5,72	6.019	7,55	5.045	6,47	4.773	6,80
- Doanh thu hàng thông qua Cảng	3.598	5,06	4.181	5,24	5.004	6,42	3.674	5,23



Doanh thu thuần	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Doanh thu dịch vụ lưu kho, bãi	3.705	5,21	3.895	4,89	4.985	6,40	4.081	5,81
- Doanh thu hành khách và thuyền viên	2.411	3,39	3.520	4,42	2.495	3,20	3.096	4,41
- Doanh thu cung cấp điện, nước	1.399	1,97	1.556	1,95	2.022	2,60	1.373	1,95
- Doanh thu dịch vụ phí hàng hải	326	0,46	832	1,04	853	1,09	881	1,25
- Doanh thu xe qua Cân	1.131	1,59	620	0,78	464	0,60	526	0,75
- Doanh thu khác	2.121	2,98	2.877	3,61	1.890	2,43	1.580	2,25
Tổng cộng	71.101	100	79.718	100	77.917	100	70.236	100

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty, doanh thu dịch vụ xếp dỡ hàng hóa chiếm bình quân khoảng 31,6% trên tổng doanh thu thuần giai đoạn 2011-2013. Tiếp theo là các dịch vụ cầu bến, lai dắt... Các dịch vụ vận tải, kinh doanh xăng dầu tuy chiếm tỷ lệ cao nhưng chỉ có tác dụng nâng cao doanh thu, hiệu quả mang lại không đáng kể.

Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giai đoạn 2011-2013 và 9 tháng đầu năm 2014

ĐVT: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Dịch vụ xếp dỡ	9.524	51,22	4.997	32,11	6.442	37,06	4.276	27,91
- Dịch vụ phí cầu bến	3.854	20,73	3.865	24,84	6.140	35,32	5.364	35,01
- Hành khách và thuyền viên đi bờ	2.411	12,97	3.520	22,62	2.495	14,35	3.096	20,21
- Dịch vụ lưu kho, bãi	1.133	6,09	90	0,58	301	1,73	686	4,48



Lợi nhuận gộp	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Dịch vụ kinh doanh xăng dầu	493	2,65	335	2,15	338	1,94	370	2,41
- Dịch vụ cung cấp điện, nước	665	3,58	288	1,85	338	1,94	331	2,16
- Dịch vụ phí hàng hải	291	1,57	830	5,33	820	4,72	881	5,75
- Dịch vụ lai dắt	-1.383	-7,44	274	1,76	-1.476	-8,49	11	0,07
-Hoạt động khác	1.605	8,63	1.363	8,76	1.985	11,42	307	2,00
Tổng cộng	18.593	100	15.562	100	17.383	100	15.322	100

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Theo bảng trên, lợi nhuận gộp dịch vụ xếp dỡ hàng hóa chiếm tỷ lệ lớn nhất, chiếm bình quân 40,13% tổng lợi nhuận gộp giai đoạn 2011-2013. Hoạt động lai dắt hiệu quả chưa cao do việc đầu tư 2 tàu lai dắt chi phí khấu hao lớn và thời gian hoạt động của tàu còn thấp (bình quân hoạt động 280 giờ/năm cho 1 tàu). Hệ thống kho, bãi giá trị đầu tư lớn nên chi phí khấu hao cao làm tăng giá vốn nhưng chỉ một phần kho bãi dùng để cho thuê (có doanh thu) phần còn lại phục vụ sản xuất chung cho các dịch vụ khác nên lợi nhuận gộp thấp. Các hoạt động khác ít biến động qua các năm, dự kiến năm 2014 và các năm tiếp theo hoạt động xếp dỡ, kho bãi, phí cầu bến sẽ mang lại lợi nhuận gộp cao hơn do dự báo nguồn hàng tăng và có nhiều hợp đồng mới.

10.1.3. Nguyên vật liệu

Với đặc trưng của hoạt động kinh doanh khai thác cảng, khai thác kho bãi, nguyên vật liệu chính của Công ty là xăng dầu, chiếm tỷ trọng 5,05% tổng chi phí, tỷ lệ chi phí xăng dầu trên tổng chi phí biến động qua từng năm còn phụ thuộc nhiều vào tỷ lệ tăng của doanh thu của các lĩnh vực không sử dụng xăng dầu như: kho bãi, vận tải thuê ngoài, phí cầu bến, hàng thông qua. Xăng dầu được cung cấp bởi các Công ty kinh doanh xăng dầu trong nước, nguồn cung cấp nguyên liệu này khá ổn định, giá cả biến động theo quy định của Nhà nước. Sự thay đổi giá cả xăng dầu sẽ ảnh hưởng tương đối đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Các nguyên vật liệu và phụ tùng thay thế khác gồm: ốc quy, săm lốp ô tô, săm lốp



xe nâng hàng, cần trục...được cung cấp bởi các nhà cung cấp uy tín.

10.1.4. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011-2013

Bảng 11: Tổng hợp chi phí giai đoạn 2011-2013 và 9 tháng đầu năm 2014

ĐVT: triệu đồng

Các loại chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		9 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Giá vốn hàng bán	52.509	74,36	64.155	80,42	60.534	78,89	54.914	81,75
Chi phí tài chính	4.223	5,98	3.466	4,34	3.008	3,92	2.250	3,35
Chi phí bán hàng	557	0,79	595	0,75	680	0,89	531	0,79
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.552	14,94	11.560	14,49	12.346	16,09	9.480	14,11
Chi phí khác	2.773	3,93	-	0	162	0,21	-	0
Tổng chi phí	70.614	100	79.776	100	76.730	100	67.175	100

Nguồn: BCTC năm 2011, 2012, 2013 đã được kiểm toán và BCTC 9 tháng đầu năm 2014 của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty, chiếm bình quân 77,89% tổng chi phí trong giai đoạn 2011-2013. Đây là tỷ lệ hợp lý cho các đơn vị kinh doanh khai thác cảng biển.

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là khoản lãi vay từ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (nay là Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy) với lãi suất 12,9%/năm cho khoản vay 23 tỷ đồng. Chi phí tài chính năm 2011 là 4.223 triệu đồng (bao gồm: lãi vay 3.008 triệu đồng và dự phòng 1.215 triệu đồng), năm 2012 là 3.466 triệu đồng (bao gồm: lãi vay 3.016 triệu đồng và dự phòng 450 triệu đồng), năm 2013 là 3.008 triệu đồng (chỉ có lãi vay). Trong đó: chi phí lãi vay ổn định qua các năm cho khoản vay 23 tỷ đồng, phần dự phòng tài chính phát sinh năm 2011 và năm 2012 là trích lập cho khoản tiền Công ty cho Vinashinlines vay 1,5 tỷ đồng và lãi phát sinh. Dự kiến trong năm 2014 Công ty trả dứt điểm khoản nợ gốc thì đến năm 2015 sẽ giảm được chi phí lãi vay nêu trên.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2011 là 10.552 triệu đồng và có sự tăng đều qua các năm, chi phí này năm 2012, 2013 lần lượt là: 11.560 triệu đồng và 12.346 triệu



đồng. Nguyên nhân chi phí quản lý doanh nghiệp tăng đều giai đoạn 2011-2013 là do tăng chi phí tiền lương (các khoản trích theo lương) và một số chi phí thường xuyên khác tăng theo giá thị trường như: xăng dầu, vật tư văn phòng...

Bảng 12: Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.653	5,23	3.888	4,87	3.891	5,07
Chi phí nhân công	18.109	25,94	22.239	27,88	24.227	31,58
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.813	19,79	14.024	17,58	13.034	16,99
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.548	39,46	19.489	24,43	18.247	23,78
Chi phí khác bằng tiền	6.684	9,57	20.135	25,24	17.329	22,58
Tổng cộng	69.807	100	79.775	100	76.728	100

Nguồn: BCTC năm 2011, 2012, 2013 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Do đặc thù của ngành kinh doanh khai thác cảng biển phải đầu tư cơ sở hạ tầng như: bến cập tàu, đường bãi, nhà xưởng và nhiều máy móc, phương tiện vận tải có giá trị lớn như: cầu hàng, xe nâng, xe tải...nên chi phí khấu hao tài sản cố định có giá trị lớn, chi phí này chiếm bình quân 18,12% tổng chi phí sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011-2013.

Cũng như các các biển khác trong nước, chi phí nguyên liệu, vật liệu của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí, chi phí này chiếm bình quân 5,06% tổng chi phí sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011-2013; trong khi đó chi phí nhân công chiếm tỷ trọng lớn, chiếm bình quân 28,47% tổng chi phí sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011-2013.

Ngoài ra, chi phí dịch vụ mua ngoài bao gồm: điện, nước, vệ sinh, thông tin liên lạc, bảo hiểm tài sản, vận tải thuê ngoài, thuê ngoài phương tiện và nhân công phục vụ xếp dỡ và các dịch vụ khác ...có xu hướng giảm trong giai đoạn 2011-2013, chi phí này chiếm bình quân 29,23% chi phí SXKD giai đoạn 2011-2013.



10.1.5.Trình độ công nghệ

❖ Luồng vào cảng, cỡ tàu tiếp nhận, vị trí Cảng

- Tổng chiều dài: 2,7 km với độ sâu luồng: -12m.
- Chế độ thủy triều: Bán nhật triều không đều.
- Chênh lệch thủy triều: 0,8m.
- Mớn nước cao nhất cho tàu ra vào: 12,5m.
- Cỡ tàu lớn nhất tiếp nhận được: tàu hàng 50.000 DWT, tàu khách 100.000GRT.
- Vị trí cảng: 16o20'00" N; 108o00'00"E.
- Điểm đón trả hoa tiêu: 16o21'17" N; 108o00'00"E.

❖ Hệ thống kho bãi

- Tổng diện tích mặt bằng cảng: 82.000 m².
- Kho: 2.000 m², trong đó kho CFS: 2.000 m².
- Bãi: 80.000 m², trong đó bãi chứa container: 10.000 m².

❖ Hệ thống cầu bến

Bảng 13: Hệ thống cầu bến

Danh mục	Dài	Độ sâu	Loại tàu/hàng
Bến Số 1 Chân Mây	300m	-12,5m	- Tàu hàng trọng tải 50.000 DWT - Tàu du lịch
Bến kéo dài	120m	- 6 m	Tàu 3.200 DWT

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

❖ Phương tiện, thiết bị chính

Bảng 14: Các phương tiện, thiết bị chính

Stt	Loại/kiểu	Số lượng	Sức nâng/tải/công suất
1	Cầu bờ di động (Gottwald)	1	63 MT
2	Cầu bánh lốp	1	27,5 MT
3	Cầu bánh xích	3	50-80 MT
4	Xe nâng	4	3~5 MT
5	Xe đầu kéo rơ-mooc	2	45 MT
6	Tàu lai dặt	2	1.020HP - 1.800 HP
7	Xe xúc lật	3	1~3 m ³



Stt	Loại/kiểu	Số lượng	Sức nâng/tải/công suất
8	Xe san ủi BD2F	1	37 HP (hỏng không sử dụng)
9	Máy phát điện	2	5KVA-100KVA
10	Gàu ngoạm	3	8-5 -3,5 m3

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

So với các Cảng biển khu vực Miền Trung thì Cảng Chân Mây được đầu tư thiết bị tương đối khiêm tốn nhưng hiện đại và phù hợp với tình hình bốc xếp của Công ty. Công ty đầu tư cầu Gottwald được lắp đặt và đưa vào sử dụng từ năm 2003, rất thích hợp cho việc bốc xếp hàng siêu trường, siêu trọng và hàng container...

10.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Vấn đề chất lượng sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp luôn được Ban lãnh đạo Công ty ưu tiên đặt lên hàng đầu. Công ty luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Hiện nay, Công ty chưa áp dụng theo một hệ thống quản lý chất lượng nào. Ban giám đốc Công ty đang có kế hoạch tiến hành cho xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO. Hiện tại Công ty đang áp dụng việc kiểm tra chất lượng thông qua các quy trình khai thác, quy trình vận hành thiết bị và việc kiểm tra thường xuyên cũng như đột xuất giữa các bộ phận có liên quan.

10.1.7. Hoạt động Marketing

Nhờ chất lượng dịch vụ, năng suất cao, giải phóng tàu nhanh mà hiện nay thương hiệu Cảng Chân Mây đã được nhiều chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến và đánh giá cao. Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động thu hút hàng hóa; chủ động tìm kiếm khách hàng mới, Cảng Chân Mây còn tăng cường phát huy nội lực, liên tục đầu tư nhiều phương tiện thiết bị mới, hiện đại, cải tiến công nghệ nhằm tăng năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đảm bảo an toàn hàng hóa cho khách hàng.

10.1.8. Nhãn hiệu thương mại

Nhãn hiệu của Công ty đã đăng ký với Cục sở hữu trí tuệ theo Giấy chứng nhận



đăng ký nhãn hiệu số 113068 và được cấp theo Quyết định số 23047/QĐ-SHTT ngày 06/11/2008 của Cục Sở hữu trí tuệ. Nhãn hiệu của Công ty được bảo hộ tổng thể, theo mẫu sau:



Ý nghĩa của logo: Logo thể hiện mong muốn vươn ra tầm quốc tế của Cảng Chân Mây qua hình mô phỏng địa cầu, hai chữ mô phỏng CM là chữ Chân Mây viết tắt, chữ CHAN MAY PORT có nghĩa là Cảng Chân Mây, sử dụng tiếng Anh nhằm thuận tiện trong giao thương quốc tế.

10.1.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

Bảng 15: Danh mục các hợp đồng lớn

Stt	Đối tác	Dịch vụ cung cấp	Giá trị ước tính (triệu đồng)	Thời gian thực hiện
1	Công ty TNHH Shaiyo AA Việt Nam	Xếp dỡ, hàng hải, thuê bãi	11.372	Tháng 1 - 12/2014
2	Công ty liên doanh trồng và chế biến cây nguyên liệu giấy XK Huế	Xếp dỡ, hàng hải, thuê bãi	11.719	Tháng 1 - 12/2014
3	Công ty CP Chế biến lâm sản xuất khẩu Pisico Huế	Xếp dỡ, hàng hải	10.129	Tháng 1 - 12/2014
4	Công ty TNHH xi măng Luks Việt Nam	Xếp dỡ, hàng hải, thuê bãi	8.230	Tháng 1 - 12/2014
5	CN Cty CP Than Miền Trung - XN Than Huế	Xếp dỡ, hàng hải	327	Tháng 1 - 12/2014
6	Công ty TNHH cung ứng nhựa đường ADCo	Xếp dỡ, hàng hải, thuê bãi	1.568	Tháng 1 - 12/2014
7	Công ty Cổ phần xi măng Đồng Lâm	Xếp dỡ, hàng hải	5.239	Tháng 1 - 12/2014
8	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Vận tải Quốc tế	Thuê bãi	1.406	Tháng 1 - 12/2014

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây



10.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước cổ phần hóa

Bảng 16: Kết quả kinh doanh của Công ty giai đoạn 2011-2013

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng giá trị tài sản	triệu đồng	294.434	301.598	306.917
2	Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	triệu đồng	206.470	210.100	214.251
3	Nợ ngắn hạn	triệu đồng	15.547	21.944	25.370
	Trong đó, nợ quá hạn	triệu đồng	-	-	-
4	Nợ dài hạn	triệu đồng	72.417	69.553	67.296
	Trong đó, nợ quá hạn	triệu đồng	-	-	-
5	Nợ phải thu khó đòi	triệu đồng	-	-	-
6	Tổng số lao động	người	253	264	263
7	Tổng quỹ lương	triệu đồng	18.175	20.307	20.518
8	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	triệu đồng	5,968	6,410	6,502
9	Tổng doanh thu	triệu đồng	76.798	85.254	82.416
10	Tổng chi phí	triệu đồng	70.615	79.777	76.730
11	Lợi nhuận thực hiện	triệu đồng	6.183	5.478	5.686
12	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	5.397	3.774	4.151
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	2,61	1,80	1,94

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Cơ cấu tài chính của Công ty ở tỷ lệ hợp lý, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản bình quân khoảng 70% trong giai đoạn 2011-2013 (tỷ lệ này đối với các Công ty cảng biển trên sàn niêm yết trung bình khoảng 75%). Công nợ của Công ty chủ yếu là hai khoản nợ dài hạn với Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và nợ Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (nay là Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy). Cụ thể như sau:

- Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam: nợ gốc là 23 tỷ đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/12/2013 là hơn 15,58 tỷ đồng.

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: nợ gốc là 35 tỷ đồng, đây là khoản Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam hoàn trả cho việc đầu tư bến số 1 và giao khoản nợ này cho Công ty trả.

Các dịch vụ chính của Công ty trong những năm vừa qua gồm: xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ hàng hải, dịch vụ khác như: dịch vụ thuê bãi, dịch vụ vận chuyển, kinh doanh



xăng dầu. Trong đó, dịch vụ xếp dỡ hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu. Sản lượng xếp dỡ bình quân trong 03 năm vừa qua khoảng 1.500 nghìn tấn, đạt hơn 150% công suất thiết kế của cầu cảng.

Tuy nhiên, dịch vụ xếp dỡ hàng hóa là hàng rời nên doanh thu từ hoạt động này chưa cao, bên cạnh đó các dịch vụ vận tải, kinh doanh xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu nhưng cơ bản để đa dạng hóa dịch vụ khách hàng, chiết khấu không cao nên hiệu quả từ các dịch vụ này không đáng kể. Trong thời gian tới, Công ty dự kiến mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua đầu tư thêm Bến số 2 và đầu tư thêm các phương tiện, thiết bị chuyên dùng cho hàng container, khi đó kết quả kinh doanh trong thời gian tới sẽ hiệu quả hơn.

Bảng 17: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn 2011-2013

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	3,3	3,3	3,4
Hệ số khả năng thanh khoản ngắn hạn	3,6	3,3	3,6
Hệ số khả năng thanh toán nhanh	3,3	3,1	3,4
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	29,9%	30,3%	30,2%
Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	70,1%	69,7%	69,8%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	42,6%	43,5%	43,3%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu	10,2	11,3	7,0
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	35	32	51
Vòng quay Tổng tài sản	0,24	0,26	0,25
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,6%	4,7%	5,3%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	8,9%	6,2%	6,8%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	2,6%	1,8%	1,9%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,8%	1,3%	1,4%

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây



10.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

10.3.1. Thuận lợi

Cảng Chân Mây là một trong những cảng biển loại 1 theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt nam đến 2020, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/06/2014, do đó sẽ có nhiều cơ hội hợp tác đầu tư.

Vị trí địa lý của Cảng Chân Mây nằm gần trục đường quốc lộ 1A và đường sắt Bắc-Nam, nằm giữa hai khu đô thị lớn nhất của Miền Trung (Huế - Đà Nẵng) và gần hai sân bay quốc tế (cách sân bay Phú Bài 36km, sân bay Đà Nẵng 32km) là địa điểm có điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển thành một trung tâm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch thuộc khu kinh tế trọng điểm Miền Trung. Do đó, ngoài tiềm năng khai thác dịch vụ vận tải biển, Cảng Chân Mây còn có thể khai thác thế mạnh du lịch. Cảng Chân Mây có thể đón các tàu du lịch từ các nước trong khu vực hay từ các châu lục khác đến tham quan du lịch, hỗ trợ cho ngành du lịch của tỉnh phát triển mạnh hơn.

Bên cạnh đó Cảng Chân Mây còn được Viện chiến lược và phát triển GTVT nhận định rằng vị trí của Cảng Chân Mây có vùng hấp dẫn trong nước bao gồm, các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Vùng hấp dẫn nước ngoài bao gồm một số tỉnh của CHDCND Lào và một số tỉnh của vùng Đông Bắc Vương Quốc Thái Lan.

Cảng Chân Mây có lợi thế về hệ thống cơ sở hạ tầng được xây dựng khá hoàn chỉnh, hiện đại, quy hoạch có hệ thống; luồng tàu, khu nước ổn định, sau hơn 10 năm khai thác chưa phải duy tu nạo vét nhưng vẫn đảm bảo tiếp nhận tàu 50.000 DWT; đồng thời vị trí địa lý và điều kiện giao thông thuận tiện. Do đó có nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai.

Hiện nay hoạt động thương mại xuất nhập khẩu hàng hóa qua cảng ngày càng được mở rộng. Do đó, nhu cầu về vận tải nói chung và vận tải biển nói riêng ngày càng được gia tăng trước tình hình hạn chế trọng tải trên đường bộ. Cảng Chân Mây là cửa khẩu xuất nhập và trung chuyển hàng hóa thuận lợi nhất để đáp ứng được nhu cầu trung chuyển hàng hóa của nước bạn Lào qua cửa khẩu Lao Bảo và cửa khẩu A Đớt – Tà Vàng.



Nguồn nhân lực của Cảng Chân Mây được đào tạo chuyên nghiệp, có kỹ năng nghiệp vụ cao có thể thực hiện các công tác nghiệp vụ của một cảng biển hiện đại.

Máy móc thiết bị của Cảng Chân Mây được đầu tư mua sắm phù hợp cho yêu cầu sử dụng trong việc xếp dỡ hàng hoá đa chủng loại.

10.3.2. Khó khăn, bất lợi

Đặc trưng cơ lý địa chất công trình, tầng phủ ở vịnh Chân Mây rất dày và yếu. Càng về phía mũi Chân Mây Đông thì lớp đất yếu càng dày thêm. Theo đánh giá của TEDI là các lớp đất dính đều và có hệ số nén lún cao. Tuy vậy, xét theo yêu cầu cảng nước sâu thì là lợi thế, bởi vì có thể nạo vét đến độ sâu 15,16m.

Đặc trưng về khí tượng: Vịnh Chân Mây hiện tại chưa có đê chắn sóng nên thường bị ảnh hưởng sóng vào mùa gió mùa Đông Bắc, tổng thời gian bị ảnh hưởng khoảng 2 tháng.

Nhìn chung, ở Cảng Chân Mây có hai điểm yếu lớn nhất là do điều kiện thời tiết và địa chất, nếu được áp dụng những kỹ thuật hiện đại trong xây dựng và có đê chắn sóng thì có thể khắc phục được.

Lượng hàng thông qua cảng phụ thuộc nhiều vào hậu phương của cảng. Trong khi vị trí của Cảng Chân Mây hiện nay còn cách xa các khu đô thị, khu công nghiệp (Trong vòng bán kính 20km vẫn chưa có khu công nghiệp, khu đô thị nào được xây dựng với tiềm lực đủ mạnh để tạo ra một mức cầu lớn tạo áp lực lớn cho việc phát triển quy mô của Cảng Chân Mây). Cơ cấu nguồn hàng còn quá đơn điệu chưa được phong phú. Vấn đề này xuất phát từ việc các ngành nghề ở địa bàn tỉnh chưa được đa dạng hoá. Chưa tận dụng triệt để các nguồn nguyên liệu để phát triển ngành công nghiệp. Bên cạnh đó ngành công nghiệp của tỉnh còn quá non trẻ, chưa có thể tạo được một sức ép về cầu đủ lớn tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và phát triển quy mô cảng biển.

Hệ thống cảng biển ở khu vực Miền Trung có nhiều, tạo nên sự cạnh tranh lớn trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ vận tải biển và du lịch vì cạnh tranh là tất yếu trong quy luật thị trường. Thêm vào đó, Cảng Chân Mây đi vào hoạt động khai thác hơn mười năm, thời gian hoạt động chưa phải là dài so với môi trường kinh doanh cảng biển cho nên sức cạnh tranh của Cảng Chân Mây còn hạn chế so với các cảng khác trong khu vực.

Hoạt động Marketing còn mang tính chất đơn điệu, chưa hoạch định chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn phát triển cảng.

11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

11.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Cảng Chân Mây hình thành sau so với hầu hết các cảng trong khu vực và phải chịu áp lực cạnh tranh trực tiếp từ các cảng: Sông Hàn, Tiên Sa, Kỳ Hà, Thuận An, Cửa Việt, Hòn La, Vũng Áng. Mặt khác, các mặt hàng thông qua cảng chủ yếu là nguyên vật liệu, khoáng sản... chưa có những mặt hàng gia công hoặc mang tính chất thương mại cao.

Tuy nhiên, Cảng Chân Mây có lợi thế so với các cảng trong khu vực về các mặt sau:

- **Vùng hậu phương cảng rộng lớn:** bao gồm các tỉnh, thành đang trên đà phát triển như: Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình... đặc biệt là các nước, vùng, miền trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây với nguồn hàng tiềm năng lớn, đa dạng về chủng loại.

- **Địa hình thuận lợi:** là cảng nước sâu với luồng tự nhiên -12,5m, có thể tiếp nhận tàu trọng tải lớn đến 50.000 DWT.

- **Vị trí địa lý đắc địa:** thuận tiện giao thông; thuộc khu vực có nhiều nguồn hàng xuất khẩu và nhiều khu du lịch nổi tiếng.

11.2. Triển vọng phát triển ngành

- Theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt nam đến 2020, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/06/2014, mục tiêu chung của việc quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển là nhằm “*phát triển hệ thống cảng biển theo một quy hoạch tổng thể và thống nhất trên cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo cơ sở vật chất kỹ thuật để nhanh chóng đưa nước ta vào hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển... Hình thành những đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng với quốc tế làm động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị, công nghiệp hóa ven biển*”.

- Theo quy hoạch trên thì lượng hàng hóa thông qua nhóm cảng biển Trung Trung Bộ (nhóm 3) trong đó có Cảng Chân Mây dự kiến khoảng 31-32,5 triệu tấn/năm vào năm 2015 và 97,4-115 triệu tấn/năm vào năm 2030. Ngoài ra, theo quy hoạch thì công



năng của Cảng Chân Mây là cảng tổng hợp, container và có bến chuyên dùng khách du lịch quốc tế.

11.3. Định hướng phát triển của Công ty

Ngoài những dịch vụ kinh doanh như hiện tại: dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ hàng hải, dịch vụ cho thuê kho bãi ..., Công ty dự kiến mở rộng thêm dịch vụ xếp dỡ, trong đó có xếp dỡ container, môi giới, đại lý hàng hải, khai thuê hải quan, các dịch vụ chơi giải trí, hệ thống cửa hàng, nhà hàng ..., đồng thời phát triển, nâng cao các dịch vụ hiện tại nhằm cạnh tranh với các cảng khác trong khu vực.

11.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Theo báo cáo định kỳ Triển vọng kinh tế thế giới của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) nền kinh tế thế giới tăng từ 3,2% năm 2013 lên 3,4% năm 2014 và dự báo tăng lên 4% trong năm 2015. Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới làm cho hoạt động giao thương quốc tế bằng đường biển sôi động trở lại đồng nghĩa với việc khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua các cảng sẽ tăng trưởng trong thời gian tới.

Với hơn 80% khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua các cảng trong toàn quốc, ngành khai thác cảng biển đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Tốc độ phát triển của ngành là khá cao, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Cảng Chân Mây nói riêng vươn lên. Cùng với sự phát triển của ngành, lượng hàng hóa thông qua Cảng Chân Mây đều tăng trưởng trong những năm gần đây, khẳng định sự phù hợp với định hướng phát triển chung của cả nước.

Hiện nay, Bến số 1 Cảng Chân Mây đã hoạt động vượt công suất thiết kế của cầu cảng, trong thời gian tới Công ty định hướng đầu tư Bến số 2 đồng thời mở thêm dịch vụ xếp dỡ container. Vì vậy, các kế hoạch đầu tư, định hướng kinh doanh của Cảng Chân Mây là phù hợp với quy hoạch ngành cảng biển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/06/2014.



II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai.

- Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp; của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là thu hút được vốn cho nhu cầu đầu tư Bền số 2.

- Nâng cao vai trò làm chủ, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập người lao động, cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường, khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2. Hình thức cổ phần hóa

- Căn cứ vào chủ trương của Chính phủ, Bộ giao thông vận tải về thúc đẩy hoạt động cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước;

- Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ vào năng lực tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới;



Hình thức cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây là **bán một phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.**

3. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây
- Tên giao dịch Quốc tế : Chan May Port Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Chan May Port
- Địa chỉ Trụ sở chính : Xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại : (84-54) 3.876.096 – (84-54) 3.891.841
- Fax : (84-54) 3.891.838
- Email : info@chanmayport.com.vn
- Website : www.chanmayport.com.vn

- Logo



4. Ngành nghề kinh doanh

Ngoài những ngành, nghề kinh doanh hiện tại, Công ty dự kiến sẽ có kế hoạch bổ sung thêm một số hoạt động kinh doanh khác theo tình hình thực tế của sự phát triển.

5. Cơ cấu tổ chức Công ty

5.1. Mô hình tổ chức

Công ty cổ phần Cảng Chân Mây hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

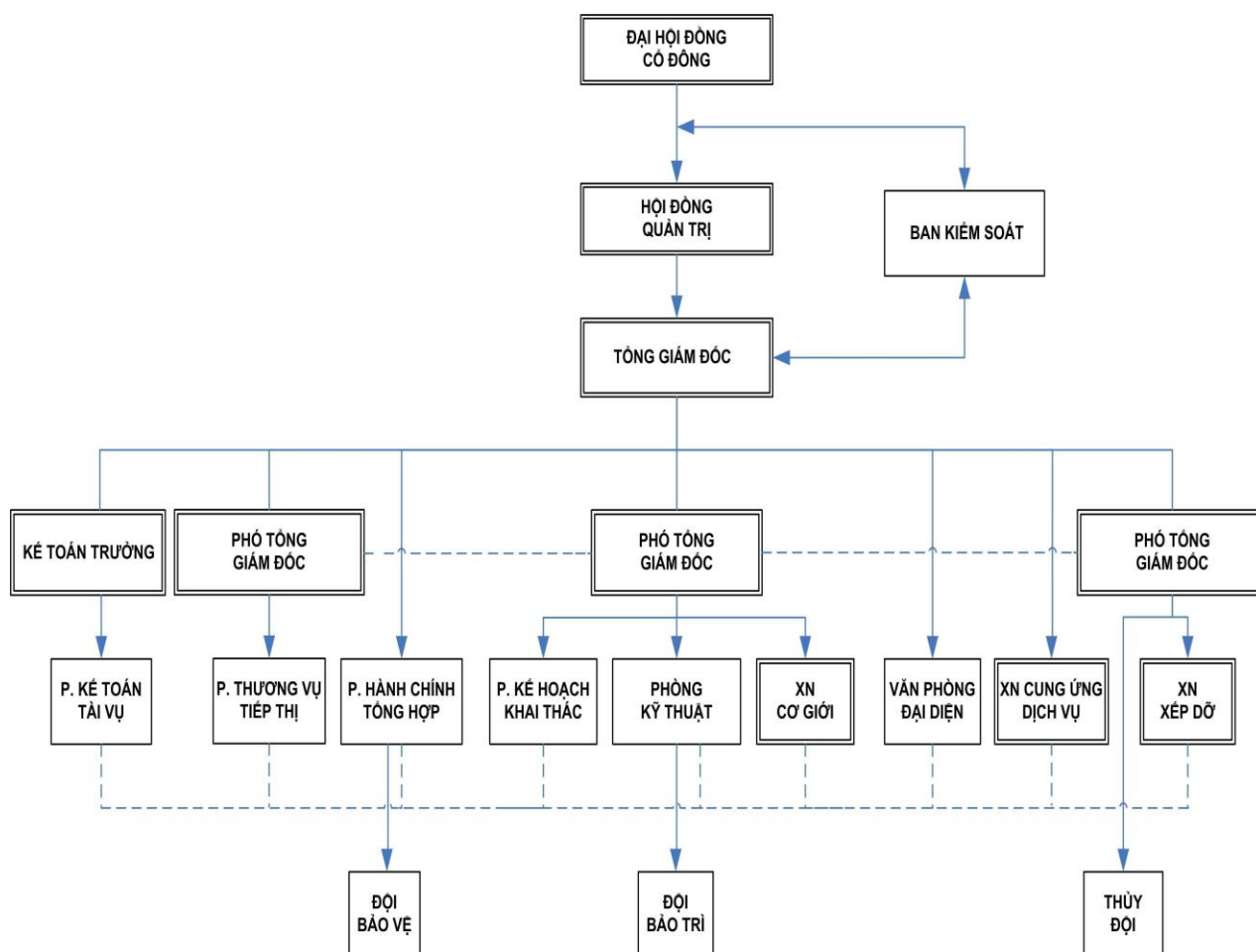
Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các phòng, ban chức năng bao gồm: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế toán - Tài vụ, Phòng Kế hoạch - Khai thác, Phòng Thương vụ - Tiếp thị và Phòng Kỹ thuật;

- Các xí nghiệp và đơn vị trực thuộc bao gồm: Xí nghiệp Xếp dỡ, Xí nghiệp Cung ứng Dịch vụ tàu biển, Xí nghiệp Cơ giới, Văn phòng Đại diện tại thành phố Huế, Đội Bảo trì, Đội Bảo vệ và Bộ phận tàu lai (tàu Chân Mây 01 và tàu Chân Mây 02).

5.2. Sơ đồ bộ máy tổ chức

Hình 2: Sơ đồ bộ máy tổ chức Công ty cổ phần Cảng Chân Mây



6. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa

6.1. Chiến lược phát triển doanh nghiệp

Công ty định hướng chiến lược kinh doanh trong thời gian tới là từng bước hạ tỷ trọng hàng rời tiến tới cung cấp thêm dịch vụ bốc xếp hàng container và có khả năng tiếp nhận các tàu khách du lịch có trọng tải lớn.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả kinh doanh, sức cạnh tranh với các cảng trong khu vực miền trung, Công ty đề ra các chiến lược cụ thể như sau:

❖ Về chất lượng dịch vụ

- Với dịch vụ chính là tổ chức xếp dỡ hàng hoá thì việc hoàn thiện quy trình,



cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất, giải phóng nhanh tàu, luôn cung cấp cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất, nhanh nhất, thuận lợi nhất nhằm thu hút nguồn hàng đến Cảng.

- Trong giai đoạn từ năm 2014 -2017 Công ty tập trung khai thác nguồn hàng rời.

- Về hàng bao, năng suất bốc xếp hàng bao (cụ thể là xi măng) đã tăng lên nhờ các giải pháp cải tiến nhưng vẫn chưa hoàn thiện do nhiều yếu tố về con người. Tuy vậy, Cảng cũng đang kiến nghị với khách hàng loại bỏ hình thức bốc xếp này, vì đây là phương thức bốc xếp hàng năng suất thấp nhất và kìm hãm việc hiện đại hóa trang thiết bị.

- Tăng cường thu hút hàng container, thiết bị, đặc biệt là hàng siêu trường, siêu trọng của các nhà máy xi măng, thủy điện trong khu vực giữa đèo Hải Vân - Đèo Ngang và tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.

❖ Về thương hiệu

- Xây dựng thương hiệu Cảng Chân Mây là một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xếp dỡ và dịch vụ hàng hải quốc tế tại khu vực Miền Trung.

- Tăng cường công tác Marketing và để tăng sản lượng hàng hóa, tàu bè qua cảng.

- Thiết lập quan hệ tốt đối với các tổ chức như các báo chí, đài truyền hình địa phương và trung ương với các mục đích khuyến khích, tuyên truyền, hình ảnh của Cảng thông qua các bài báo hoặc phóng sự đăng trên các báo chuyên ngành, trên đài phát thanh và trên truyền hình, trực tiếp tìm hiểu thị trường, đặt pano quảng cáo tại các vùng trọng yếu và các thị trường tiềm năng.

❖ Về tổ chức quản lý

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực vững vàng về kiến thức chuyên môn và tay nghề, có phẩm chất, có tâm huyết, vững vàng về kỹ thuật và quản lý kinh tế, hạn chế ký hợp đồng lao động dài hạn, tăng cường sử dụng lao động theo hình thức thuê ngoài, thời vụ để tận dụng lực lượng lao động nhân rồi chi phí thấp.

- Giữ nguyên lực lượng lao động hiện tại, tiếp tục đào tạo để nâng cao chất lượng lao động, không tuyển dụng mới để tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục hoàn thiện các chế độ khuyến khích và đãi ngộ đối với những lao động có tâm huyết, có trình độ, có đóng góp cho sự phát triển của Công ty đồng thời xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật và Nội quy lao động của Công ty đối với những lao động yếu kém, vô kỷ luật.

❖ Về tài chính

- Tăng cường công tác quản trị tài chính bằng các quy chế, quy định cụ thể hơn, xây dựng thêm các định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với thực tế.



- Tiết kiệm tối đa chi phí, cắt giảm các chi phí đầu vào, cân đối tỷ lệ chi phù hợp với mục tiêu phát triển kinh doanh, kế hoạch lợi nhuận trong từng thời kỳ.

- Tiến hành phân tích, đánh giá cân nhắc đối với các quyết định đầu tư và đưa ra một cơ cấu nguồn vốn huy động tối ưu phù hợp với tình hình và sự phát triển bền vững của Công ty.

- Sử dụng linh hoạt và tiết kiệm các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi nhưng chưa sử dụng đến để tăng doanh thu tài chính.

- Quản lý tốt các khoản phải thu phải trả, nhanh chóng thu hồi công nợ, thực hiện chính sách thu tiền linh hoạt mềm dẻo tránh bị chiếm dụng vốn...

6.2. Kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa

Từ định hướng chiến lược phát triển doanh nghiệp trình bày ở phần trên, Công ty dự kiến kế hoạch đầu tư như sau:

❖ Dự án kéo dài Bến số 01

Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây dự kiến phối hợp với Hãng tàu Royal Caribbean Cruises kéo dài cầu cảng số 01 Cảng Chân Mây bao gồm xây dựng hệ thống bích neo, đệm va và những cải tiến cần thiết khác, chi tiết như sau:

- Chiều dài Bến số 01 dự kiến được kéo dài: 60m
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 5.000.000 USD

Hãng tàu Royal Caribbean Cruises LTD sẽ ứng trước các khoản phí dịch vụ khi tàu của Royal Caribbean Cruises LTD cập Cảng Chân Mây. Khoản ứng trước này bằng với tổng mức đầu tư của Dự án kéo dài Bến số 1. Cảng Chân Mây sẽ sử dụng nguồn ứng trước của Royal Caribbean Cruises LTD để đầu tư Dự án kéo dài Bến số 1 và sau đó sẽ khấu trừ 50% các khoản phí khi tàu của Royal Caribbean Cruises LTD cập Cảng Chân Mây.

❖ Dự án xây dựng Bến số 02

Sau khi Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động sang Công ty cổ phần, các dự án đầu tư của Công ty sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Để thực hiện chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh, Công ty dự kiến thành lập công ty liên kết theo hình thức công ty TNHH từ 2 thành viên trở lên nhằm triển khai đầu tư dự án Bến số 2 với mô cụ thể như sau:

- Bến cập tàu: dài 225m, rộng 25m, tiếp nhận tàu hàng tổng hợp 30.000 DWT, đầy tải và dầm gỗ 50.000 DWT, tàu khách 100.000 GRT.

- Hệ thống kho, đường bãi, mạng kỹ thuật, khu đậu tàu, công trình kiến trúc, thiết bị chuyên dùng và các khu phụ trợ hoàn chỉnh.

- Tổng mức đầu tư cho các giai đoạn: 856.907.346.000 đồng.

Trong đó tổng mức đầu tư cho giai đoạn 2015 - 2017 với mục đích tiếp nhận tàu dầm gỗ 50.000 DWT giảm tải là: 350 tỷ đồng. Nguồn vốn tham gia đầu tư là giá trị tài sản đã hình thành trong khu vực Bến số 2 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Ngoài đầu tư dự án Bến số 2, Công ty dự kiến mở rộng kho, bãi, đưa khai thác container vào hoạt động, đầu tư các trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, hoàn thiện, nâng cấp, sửa chữa một số trang thiết bị hiện có để tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho khách hàng khi đến Cảng và tăng tính cạnh tranh.

6.3. Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

Ngày 15/5/2014, Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây đã có công văn số 117/CV-CM về việc điều chỉnh phương án sử dụng nhà đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây. Trước đó ngày 9/5/2014, Đại diện Ban chỉ đạo 09 cấp Tỉnh gồm đại diện Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên Môi trường đã kiểm tra hiện trạng nhà đất tại Biên bản kiểm tra ngày 9/5/2014. Trên cơ sở ý kiến của Công ty và thẩm định của Ban chỉ đạo 09, ngày 10/6/2014 UBND Tỉnh đã có văn bản số 3073/UBND-TH của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thống nhất phương án xử lý khu nhà, đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây, trong đó: thống nhất phương án cho tiếp tục giữ lại quản lý và sử dụng cơ sở nhà đất trên đại bàn tỉnh tại xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế với diện tích 131.717,3m², diện tích sàn sử dụng: 5.661,56m².

7. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau cổ phần hóa

7.1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh



Bảng 18: Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh dự kiến 4 năm sau cổ phần hóa

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1. Kế hoạch đầu tư XDCB:	Triệu đồng		80.000		
2. Vốn điều lệ	Triệu đồng	308.623	308.623	308.623	308.623
3. Tổng số lao động	Người	267	267	267	267
4. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	20.710	21.421	22.293	22.957
5. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng	6,464	6,685	6,957	7,165
6. Sản lượng hàng thông qua	Tấn	1.650.000	1.751.500	1.863.575	1.980.154
7. Tổng doanh thu	Triệu đồng	85.000	92.280	101.132	111.361
8. Tổng chi phí	Triệu đồng	79.041	85.597	89.943	95.189
9. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.959	6.683	11.190	16.172
10. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.648	5.212	8.952	12.938
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	1,51	1,69	2,90	4,19
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	5,47	5,65	8,85	11,62
11. Lãi cơ bản/ cổ phiếu	Đồng	151	170	300	420
12. Lợi nhuận chia cổ tức	Triệu đồng	3.951	4.431	7.609	10.997
13. Cổ tức	%	1,3	1,4	2,5	3,6

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

7.2. Thuyết minh kế hoạch kinh doanh

7.2.1. Kế hoạch về sản lượng

Theo kế hoạch sản lượng năm 2014 tại Cảng Chân Mây là 1,65 triệu tấn/năm, tuy nhiên sản lượng hàng hóa phụ thuộc vào tình hình thị trường, cơ cấu hàng hóa bốc xếp, năng lực bốc xếp và khả năng tăng trưởng sản lượng hàng hóa qua Cảng, Cảng Chân Mây xây dựng kế hoạch tăng trưởng sản lượng bình quân năm trong giai đoạn 2014-2017 ở mức 6%. Sau khi đầu tư bến số hai hoàn thiện, năng lực bốc xếp của Cảng Chân

Mây có thể lên đến hơn 3,5 triệu tấn/năm.

7.2.2. Kế hoạch về doanh thu

Đối với hoạt động kinh doanh cơ bản: Cảng Chân Mây đặt ra kế hoạch doanh thu hoạt động cơ bản tăng trưởng bình quân năm ở mức 10% trong giai đoạn 2014-2017 và dự kiến tăng đơn giá 5% hàng năm.

Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu, vận tải: Đây là các dịch vụ phụ trợ của Công ty, nên tỷ lệ tăng trưởng song song với các dịch vụ chính của Cảng .

Đối với hoạt động tài chính và hoạt động khác: Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty trong giai đoạn trước cổ phần hóa chủ yếu đến từ lãi tiền gửi. Tuy nhiên, sau khi cổ phần hóa nguồn vốn lưu động được đầu tư xây dựng nên Công ty không xây dựng chỉ tiêu về doanh thu hoạt động tài chính.

7.2.3. Kế hoạch về chi phí

Tổng mức chi phí cho hoạt động kinh doanh cơ bản được rà soát và tiết giảm. Trong đó tỷ lệ tổng chi phí trên doanh thu năm đầu tiên sau cổ phần hóa 2014 và 2015 là 93% sẽ được giảm xuống vào năm 2017 là 85%. Kế hoạch chi phí cho hoạt động kinh doanh được Công ty xây dựng trên cơ sở cơ cấu chi phí của giai đoạn trước cổ phần hóa theo định phí và biến phí, trong đó giữ nguyên định phí (ngoại trừ chi phí khấu hao tăng), các biến phí được rà soát và điều chỉnh theo hướng tiết kiệm hiệu quả. Cụ thể:

- Giữ nguyên chi phí lương quản lý. Chi phí nhân công tăng tương đối dựa theo tăng trưởng sản lượng hàng thông qua. Do vậy, trong cơ cấu chi phí, tổng quỹ tiền lương trên tổng chi phí qua các năm giảm xuống (từ kế hoạch 26% cho năm 2014 giảm xuống còn 24% năm 2017).

- Chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng khoảng 17% tổng chi phí trước thời điểm cổ phần hóa, sau cổ phần hóa chi phí này tăng lên khoảng 20% trong tổng chi phí do tài sản được định giá tăng lên vào năm 2015 và dự kiến còn 17% vào năm 2017.

- Ngoài các nhóm chi phí trên, các chi phí nguyên vật liệu, bảo dưỡng, sửa chữa, chi phí quản lý cũng được rà soát đến mức giảm thiểu tối đa... được tính theo tỷ lệ trên



doanh thu dịch vụ chính của Công ty.

7.2.4. Kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức

Giai đoạn sau cổ phần hóa từ năm 2014 đến năm 2017, Công ty tập trung huy động vốn để đầu tư Bến số 2, hoạt động kinh doanh của Công ty mặc dù có tăng trưởng nhưng vẫn chưa có chuyển biến mạnh mẽ do còn hạn chế về năng lực khai thác. Ngoài ra khi thực hiện xác định lại giá trị doanh nghiệp, tổng tài sản của doanh nghiệp được đánh giá lại để cổ phần hóa tăng lên 96,8 tỷ đồng. Điều này dẫn tới chi phí khấu hao tăng lên nên lợi nhuận những năm đầu sau cổ phần hóa tăng nhưng không mạnh mẽ.

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu bình quân 3 năm trước cổ phần hóa là 5,8% thì sau cổ phần hóa tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu bình quân đạt mức 7,8%/năm .

Về cổ tức Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2015 là 1,4%; năm 2016 là 2,5%; năm 2017 là 3,6%.

III. VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ dự kiến của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây sau khi cổ phần là **308.623.000.000** đồng (*Bằng chữ: Ba trăm lẻ tám tỷ, sáu trăm hai mươi ba triệu đồng chẵn*).

2. Cơ cấu vốn điều lệ

Bảng 19: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Vốn nhà nước	23.146.725	231.467.250.000	75
II	Bán ra bên ngoài	7.715.575	77.155.750.000	25
1	Bán cho CBCNV	283.800	2.838.000.000	0,92
1.1	<i>Bán cho CBCNV theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước</i>	<i>193.100</i>	<i>1.931.000.000</i>	<i>0,63</i>
1.2	<i>Bán cho CBCNV theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần</i>	<i>90.700</i>	<i>907.000.000</i>	<i>0,29</i>
2	Bán cho Công đoàn	0	0	0
3	Bán cho Nhà đầu tư chiến lược	0	0	0
4	Bán đấu giá cổ phần	7.431.775	74.317.750.000	24,08



Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	30.862.300	308.623.000.000	100

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

IV. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá

1.1. Hình thức chào bán

- Số lượng chào bán : 7.431.775 cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm : 10.700 đồng/cổ phần
- Phương thức chào bán : Đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1.2. Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua

- Đối tượng tham gia : Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây
- Số lượng cổ phần đăng ký đặt mua tối thiểu : 100 cổ phần
- Số lượng đặt mua tối đa : 7.431.775 cổ phần
- Số lượng đặt mua : Theo bội số 100
- Đặt cọc : Bằng 10% giá trị cổ phần đặt mua tính theo giá khởi điểm

1.3. Thời gian và địa điểm thực hiện

- Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, nộp phiếu tham dự đấu giá: Quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây.



- Thời gian tổ chức đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây.

- Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây.

2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần đối với người lao động

❖ Cổ phần bán ưu đãi đối cho CBCNV theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực nhà nước

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 267 người.

- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 254 người, trong đó có 02 người không đăng ký mua.

- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi: 193.100 cổ phần với tổng mệnh giá là 1.931.000.000 đồng, chiếm 0,63% vốn điều lệ.

- Giá bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

- Thời gian thực hiện: sau khi thực hiện đấu giá công khai.

- Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán: do Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây quy định cụ thể.

❖ Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần trong thời gian ít nhất 03 năm

- Tổng số lao động đăng ký mua cổ phần ưu đãi theo năm cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần trong thời gian ít nhất 03 năm (có biên bản cam kết của từng lao động): 68 người.

- Tổng số cổ phần được mua ưu đãi: 90.700 cổ phần với tổng mệnh giá là 907.000.000 đồng, chiếm 0,29% vốn điều lệ.

- Giá bán: bằng giá đấu thành công thấp nhất.



- Thời gian thực hiện: sau khi thực hiện đấu giá công khai.

- Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán: do Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây quy định cụ thể.

3. Cổ phần bán cho tổ chức Công đoàn: Không có

4. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược: Không có

5. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

Số tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa. Phần còn lại (bao gồm cả chênh lệch giá bán cổ phần) nộp về Quỹ Phát triển doanh nghiệp của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy theo quy định về cổ phần hóa. Do đó, số tiền để lại doanh nghiệp là 0 đồng.

Cảng Chân Mây dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá đấu bình quân là 10.700 đồng/cổ phần.

Bảng 20: Số tiền dự kiến nộp về Quỹ Phát triển doanh nghiệp của Tổng công ty

Stt	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần (a)	308.623.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại (b)	308.622.963.944
3	Tiền thu từ cổ phần hoá (c)	81.730.184.500
3.1	- Từ bán cổ phần ưu đãi giảm 40% cho CBCNV	1.239.702.000
3.2	- Từ bán cổ phần bằng giá đấu thành công thấp nhất cho CBCNV	970.490.000
3.3	- Từ bán cổ phần cho công đoàn	0
3.4	- Từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	0
3.5	- Từ bán đấu giá	79.519.992.500
4	Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho CBNV, công đoàn, nhà đầu tư chiến lược, bán đấu giá (d)	77.155.750.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN (e) = (a) – (b)	36.056
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện (f)	500.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư (g)	0
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ (h)	0
Tổng số tiền nộp về Quỹ Phát triển doanh nghiệp của Tổng công ty = (c) – (e) – (f) – (g) – (h)		81.230.148.444



V. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Những diễn biến của nền kinh tế luôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế. Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất...

- Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam năm 2013 là 5,42% cao hơn năm 2012 là 5,25%. Tuy nhiên, theo dự báo của Ngân hàng thế giới tại Báo cáo cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam tháng 7/2014 thì tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn ở mức khiêm tốn và tiếp tục thấp hơn xu hướng dài hạn, cụ thể tăng trưởng GDP năm 2014 ước tính khoảng 5,4% và dự báo không vượt quá 5,5% trước năm 2016.

- Tỷ lệ lạm phát tính theo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong năm 2013 của Việt Nam đạt mức bình quân 6,6%. Theo số liệu của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng 8 tháng đầu năm 2014 tăng 4,73% so với cùng kỳ năm 2013. Mặc dù lạm phát trong thời gian qua được kiểm chế và có dấu hiệu giảm nhưng các chi phí nguyên vật liệu của Công ty có xu hướng tăng, qua đó phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Lãi suất cho vay trong thời gian vừa qua có xu hướng giảm, hiện nay lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức khoảng 9-10%/năm đối với ngắn hạn; 10,5-12%/năm đối với trung và dài hạn, đặc biệt một số Ngân hàng thương mại tiếp tục áp dụng lãi suất cho vay đối với một số doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, dự án sản xuất kinh doanh hiệu quả chỉ ở mức 6-7%/năm. Theo định hướng hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty trong thời gian tới, Công ty có thể sử dụng đến kênh huy động vốn từ tín dụng, do đó sự biến động về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty Cảng Chân Mây sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác. Hiện nay, các Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư đang trong quá trình



sửa đổi, ngoài ra một số văn bản pháp luật có liên quan cũng đang trong quá trình bổ sung, hoàn thiện, việc này sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù

Theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/06/2014, Cảng Chân Mây là cảng tổng hợp, container và có bến chuyên dùng khách du lịch quốc tế. Việc hạ tầng cơ sở của Công ty trước mắt chưa đáp ứng đầy đủ để hoạt động như công năng của Cảng đã được quy hoạch, điều này làm giảm tính cạnh tranh so với các cảng lớn trong khu vực miền trung, do các cảng lớn trong khu vực này đã đầu tư tương đối đầy đủ cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị.

Xăng dầu đóng vai trò là nguyên vật liệu chính cho hoạt động kinh doanh của ngành khai thác cảng biển, đồng thời cũng là nhân tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh của các phương tiện đường thủy. Do đó, sự biến động của giá xăng dầu ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Cảng Chân Mây.

Ngoài ra, các yếu tố thời tiết như: mưa bão, lũ lụt, thiên tai gây khó khăn cho phương tiện đường thủy, qua đó ảnh hưởng đến sản lượng xếp dỡ hàng hóa của Cảng Chân Mây.

4. Rủi ro của đợt chào bán cổ phần

Việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán ở thời điểm chào bán và diễn biến của nền kinh tế vĩ mô. Những yếu tố, thông tin bất lợi về thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CHÂN MÂY

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Bảng 21: Danh sách Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Cảng Chân Mây - Trưởng ban
2	Ông Huỳnh Văn Toàn	Phó Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty Cảng Chân Mây - Phó Trưởng ban
3	Bà Hồ Hoàng Thi	Kế toán trưởng Công ty Cảng Chân Mây - Phó Trưởng ban
4	Ông Trần Văn Phong	Phó Giám đốc Công ty Cảng Chân Mây - Thành viên
5	Ông Lê Chí Phai	Kiểm soát viên Công ty Cảng Chân Mây - Thành viên
6	Ông Hoàng Trung Chính	Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp Công ty Cảng Chân Mây - Thành viên
7	Ông Nguyễn Thành Công	Trưởng Phòng Thương vụ Công ty Cảng Chân Mây - Thành viên
8	Ông Hoàng Đình Tâm	Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính Kế toán Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy - Thành viên
9	Ông Lê Chí Hiếu	Trưởng ban Đổi mới doanh nghiệp Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy - Thành viên
10	Ông Phạm Duy Đức	Trưởng ban Tổ chức nhân sự và Đào tạo Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy - Thành viên

Nguồn: Quyết định số 181/QĐ-CNT ngày 21/3/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy về việc thành lập ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

2. Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Bảng 22: Danh sách Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây

Stt	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Hữu Thọ	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty Cảng Chân Mây
2	Ông Huỳnh Văn Toàn	Phó Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty Cảng Chân Mây
3	Ông Trần Văn Phong	Phó Giám đốc Công ty Cảng Chân Mây
4	Bà Hồ Hoàng Thi	Kế toán trưởng Công ty Cảng Chân Mây

Chúng tôi cam kết các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.



3. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN CIMB – VINASHIN

- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 1, tòa nhà 34T, KĐT Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội
- Điện thoại : 04. 6286 1800
- Fax : 04. 2221 0484
- Website : www.cvs.com.vn
- Người đại diện : Ông Hoàng Anh Tuấn – Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng do Công ty TNHH Chứng khoán CIMB-Vinashin tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cảng Chân Mây cung cấp.

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 11 năm 2014

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CHÂN MÂY
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Thọ

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CHÂN MÂY
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hữu Thọ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN CIMB - VINASHIN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Anh Tuấn